

| TT | MÃ SỐ SV   | HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN    | LỚP     | Điểm thành phần |                          |    |  |  | ĐTB<br>kiểm<br>tra<br>định<br>kì | F   | ĐIỂM TỔNG KẾT |               | Ghi chú     |
|----|------------|------------------------|---------|-----------------|--------------------------|----|--|--|----------------------------------|-----|---------------|---------------|-------------|
|    |            |                        |         | A               | Điểm kiểm tra<br>định kỳ |    |  |  |                                  |     | SỐ            | CHỮ           |             |
|    |            |                        |         | 10%             |                          |    |  |  | 30%                              | 60% | 100%          |               |             |
|    |            |                        |         |                 | 1 1                      |    |  |  |                                  |     |               |               |             |
| 1  | 1812719005 | Lê Tú Anh              | N18DLK1 | 0               | 0                        | 0  |  |  | 0.0                              | CT  | 0.0           | Không         | Cấm thi, HP |
| 2  | 1813719016 | Trần Lê Quốc Bảo       | N18DLK1 | 0               | 0                        | 0  |  |  | 0.0                              | CT  | 0.0           | Không         | Cấm thi,    |
| 3  | 1813719019 | Nguyễn Cao Cấp         | N18DLK1 | 7               | 5                        | 5  |  |  | 5.0                              | V   | 0.0           | Không         |             |
| 4  | 1813719056 | Dụng Anh Đức           | N18DLK1 | 7               | 5                        | 5  |  |  | 5.0                              | 4.5 | 0.0           | Không         |             |
| 5  | 1812719043 | Hoàng Mộng Duyên       | N18DLK1 | 10              | 10                       | 7  |  |  | 8.5                              | 4.6 | 0.0           | Không         |             |
| 6  | 1812719059 | Nguyễn Thị Hương Giang | N18DLK1 | 10              | 10                       | 10 |  |  | 10.0                             | 6.2 | 7.7           | Bảy phẩy Bảy  |             |
| 7  | 1812719065 | Phan Thị Thu Hà        | N18DLK1 | 8               | 8                        | 7  |  |  | 7.5                              | 6.2 | 6.8           | Sáu phẩy Tám  |             |
| 8  | 1813719061 | Đinh Ngọc Hà           | N18DLK1 | 10              | 10                       | 9  |  |  | 9.5                              | 5.8 | 7.3           | Bảy phẩy Ba   |             |
| 9  | 1812719076 | Nguyễn Thị Kim Hiền    | N18DLK1 | 10              | 10                       | 10 |  |  | 10.0                             | 4.4 | 0.0           | Không         |             |
| 10 | 1812719074 | Nguyễn Trần Thu Hiền   | N18DLK1 | 10              | 10                       | 10 |  |  | 10.0                             | 6.5 | 7.9           | Bảy phẩy Chín |             |
| 11 | 1813719080 | Nguyễn Quốc Hiếu       | N18DLK1 | 0               | 0                        | 0  |  |  | 0.0                              | CT  | 0.0           | Không         | Cấm thi, HP |
| 12 | 1813719107 | Hồ Nguyễn Anh Khoa     | N18DLK1 | 9               | 10                       | 7  |  |  | 8.5                              | 3.8 | 0.0           | Không         |             |
| 13 | 1813719127 | Nguyễn Thành Long      | N18DLK1 | 10              | 8                        | 9  |  |  | 8.5                              | 4.4 | 0.0           | Không         |             |
| 14 | 1812719168 | Trần Thị Hiền Nhi      | N18DLK1 | 8               | 7                        | 7  |  |  | 7.0                              | 4.4 | 0.0           | Không         |             |
| 15 | 1813719174 | Trương Minh Nhật       | N18DLK1 | 10              | 10                       | 9  |  |  | 9.5                              | 5.8 | 7.3           | Bảy phẩy Ba   |             |
| 16 | 1813719190 | Dương Tấn Phụng        | N18DLK1 | 8               | 7                        | 9  |  |  | 8.0                              | 3.8 | 0.0           | Không         |             |
| 17 | 1813719192 | Nguyễn Phước           | N18DLK1 | 7               | 5                        | 5  |  |  | 5.0                              | 6.0 | 5.8           | Năm phẩy Tám  |             |
| 18 | 1813719208 | Phùng Ngọc Quỳnh       | N18DLK1 | 9               | 9                        | 7  |  |  | 8.0                              | 4.2 | 0.0           | Không         |             |
| 19 | 1812719211 | Lê Thị Như Quỳnh       | N18DLK1 | 10              | 10                       | 10 |  |  | 10.0                             | 8.6 | 9.2           | Chín phẩy Hai |             |
| 20 | 1812719234 | Trần Việt Thảo         | N18DLK1 | 8               | 8                        | 10 |  |  | 9.0                              | 5.6 | 6.9           | Sáu phẩy Chín |             |
| 21 | 1812719245 | Đặng Thị Hoài Thu      | N18DLK1 | 9               | 9                        | 10 |  |  | 9.5                              | 7.3 | 8.1           | Tám phẩy Một  |             |
| 22 | 1813719267 | Tiêu Phi Toàn          | N18DLK1 | 9               | 9                        | 9  |  |  | 9.0                              | V   | 0.0           | Không         |             |
| 23 | 1812719272 | Huỳnh Huyền Trâm       | N18DLK1 | 9               | 7                        | 9  |  |  | 8.0                              | 8.5 | 8.4           | Tám phẩy Bốn  |             |
| 24 | 1812719268 | Nguyễn Thị Thùy Trang  | N18DLK1 | 8               | 7                        | 7  |  |  | 7.0                              | 6.0 | 6.5           | Sáu phẩy Năm  |             |
| 25 | 1812719303 | Trần Thị Kiều Vân      | N18DLK1 | 10              | 10                       | 10 |  |  | 10.0                             | 7.0 | 8.2           | Tám phẩy Hai  |             |
| 26 | 1812719311 | Trương Thị Von         | N18DLK1 | 2               | 0                        | 0  |  |  | 0.0                              | CT  | 0.0           | Không         | Cấm thi,    |
| 27 | 1813719314 | Phạm Hoàng Vũ          | N18DLK1 | 9               | 5                        | 10 |  |  | 7.5                              | 3.8 | 0.0           | Không         |             |
| 28 | 1812719323 | Trương Nguyễn Như Ý    | N18DLK1 | 10              | 9                        | 10 |  |  | 9.5                              | 5.6 | 7.2           | Bảy phẩy Hai  |             |
| 29 | 1812719007 | Cao Xuân Hoàng Anh     | N18DLK2 | 9               | 5                        | 8  |  |  | 6.5                              | 6.0 | 6.5           | Sáu phẩy Năm  |             |
| 30 | 1813719018 | Huỳnh Kim Cảnh         | N18DLK2 | 9               | 9                        | 9  |  |  | 9.0                              | 6.1 | 7.3           | Bảy phẩy Ba   |             |
| 31 | 1812719028 | Bùi Lê Thúy Diễm       | N18DLK2 | 10              | 10                       | 8  |  |  | 9.0                              | 7.5 | 8.2           | Tám phẩy Hai  |             |
| 32 | 1812719053 | Nguyễn Thị Đông        | N18DLK2 | 10              | 10                       | 10 |  |  | 10.0                             | 5.9 | 7.5           | Bảy phẩy Năm  |             |
| 33 | 1812719034 | Dương Thị Thùy Dung    | N18DLK2 | 10              | 9                        | 10 |  |  | 9.5                              | 7.4 | 8.3           | Tám phẩy Ba   |             |
| 34 | 1813719036 | Đỗ Yên Dũng            | N18DLK2 | 3               | 3                        | 0  |  |  | 1.5                              | CT  | 0.0           | Không         | Cấm thi,    |
| 35 | 1813719045 | Hoàng Hải Dương        | N18DLK2 | 9               | 10                       | 9  |  |  | 9.5                              | 4.5 | 0.0           | Không         |             |

| TT | MÃ SỐ SV   | HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN     | LỚP     | Điểm thành phần |                          |    |  |  | ĐTB<br>kiểm<br>tra<br>định<br>kì | F   | ĐIỂM TỔNG KẾT |               | Ghi chú     |
|----|------------|-------------------------|---------|-----------------|--------------------------|----|--|--|----------------------------------|-----|---------------|---------------|-------------|
|    |            |                         |         | A               | Điểm kiểm tra<br>định kỳ |    |  |  |                                  |     | SỐ            | CHỮ           |             |
| 36 | 1812719047 | Lê Trùng Dương          | N18DLK2 | 9               | 9                        | 5  |  |  | 7.0                              | 6.9 | 7.1           | Bảy phẩy Một  |             |
| 37 | 1813719046 | Phan Văn Dương          | N18DLK2 | 9               | 6                        | 8  |  |  | 7.0                              | 5.9 | 6.5           | Sáu phẩy Năm  |             |
| 38 | 1813719040 | Nguyễn Ngọc Duy         | N18DLK2 | 10              | 9                        | 8  |  |  | 8.5                              | 6.9 | 7.7           | Bảy phẩy Bảy  |             |
| 39 | 1812719087 | Nguyễn Thị Hạ Hoài      | N18DLK2 | 9               | 10                       | 10 |  |  | 10.0                             | 8.8 | 9.2           | Chín phẩy Hai |             |
| 40 | 1812719093 | Nguyễn Thị Kim Hồng     | N18DLK2 | 10              | 5                        | 9  |  |  | 7.0                              | 7.2 | 7.4           | Bảy phẩy Bốn  |             |
| 41 | 1813719116 | Phùng Duy Lâm           | N18DLK2 | 8               | 6                        | 9  |  |  | 7.5                              | 6.9 | 7.2           | Bảy phẩy Hai  |             |
| 42 | 1812719138 | Võ Thùy Bảo My          | N18DLK2 | 8               | 10                       | 8  |  |  | 9.0                              | 7.2 | 7.8           | Bảy phẩy Tám  |             |
| 43 | 1812719142 | Lê Thị Trà My           | N18DLK2 | 7               | 10                       | 5  |  |  | 7.5                              | 7.0 | 7.2           | Bảy phẩy Hai  |             |
| 44 | 1812719145 | Nguyễn Vĩnh Nam         | N18DLK2 | 3               | 0                        | 0  |  |  | 0.0                              | CT  | 0.0           | Không         | Cấm thi,    |
| 45 | 1812219553 | Nguyễn Hoài Bảo Ngọc    | N18DLK2 | 9               | 6                        | 8  |  |  | 7.0                              | 5.7 | 6.4           | Sáu phẩy Bốn  |             |
| 46 | 1812719148 | Nguyễn Thị Yến Ngọc     | N18DLK2 | 0               | 0                        | 0  |  |  | 0.0                              | CT  | 0.0           | Không         | Cấm thi, HP |
| 47 | 1812719150 | Phạm Thị Bích Ngọc      | N18DLK2 | 10              | 9                        | 10 |  |  | 9.5                              | 7.2 | 8.2           | Tám phẩy Hai  |             |
| 48 | 1812719167 | Trương Nguyễn Yến Nhi   | N18DLK2 | 9               | 9                        | 9  |  |  | 9.0                              | 6.0 | 7.2           | Bảy phẩy Hai  |             |
| 49 | 1813719171 | Nguyễn Thế Nhơn         | N18DLK2 | 10              | 8                        | 8  |  |  | 8.0                              | 7.0 | 7.6           | Bảy phẩy Sáu  |             |
| 50 | 1812719197 | Lê Ngọc Trâm Phương     | N18DLK2 | 0               | 0                        | 0  |  |  | 0.0                              | CT  | 0.0           | Không         | Cấm thi, HP |
| 51 | 1812719206 | Phan Thị Bảo Quyên      | N18DLK2 | 9               | 9                        | 9  |  |  | 9.0                              | 7.0 | 7.8           | Bảy phẩy Tám  |             |
| 52 | 1812719219 | Trần Thị Tâm            | N18DLK2 | 10              | 10                       | 9  |  |  | 9.5                              | 6.8 | 7.9           | Bảy phẩy Chín |             |
| 53 | 1812719228 | Phùng Thị Thiên Thanh   | N18DLK2 | 10              | 10                       | 8  |  |  | 9.0                              | 8.0 | 8.5           | Tám phẩy Năm  |             |
| 54 | 1812719257 | Nguyễn Diệu Anh Thư     | N18DLK2 | 8               | 7                        | 8  |  |  | 7.5                              | 4.8 | 0.0           | Không         |             |
| 55 | 1812719271 | Tôn Nguyễn Huyền Trâm   | N18DLK2 | 9               | 8                        | 8  |  |  | 8.0                              | 7.0 | 7.5           | Bảy phẩy Năm  |             |
| 56 | 1813719287 | Phạm Ngọc Trung         | N18DLK2 | 10              | 9                        | 8  |  |  | 8.5                              | 7.7 | 8.2           | Tám phẩy Hai  |             |
| 57 | 1812719297 | Lâm Thảo Uyên           | N18DLK2 | 9               | 10                       | 9  |  |  | 9.5                              | 7.1 | 8.0           | Tám           |             |
| 58 | 1813719318 | Trần Viết Vương         | N18DLK2 | 10              | 10                       | 8  |  |  | 9.0                              | 7.2 | 8.0           | Tám           |             |
| 59 | 1812719020 | Nguyễn Thị Minh Châu    | N18DLK3 | 9               | 9                        | 10 |  |  | 9.5                              | 7.5 | 8.3           | Tám phẩy Ba   |             |
| 60 | 1812719031 | Nguyễn Thị Thanh Dung   | N18DLK3 | 8               | 7                        | 8  |  |  | 7.5                              | 5.1 | 6.1           | Sáu phẩy Một  |             |
| 61 | 1812719062 | Trần Thị Thu Hà         | N18DLK3 | 8               | 7                        | 10 |  |  | 8.5                              | 6.6 | 7.3           | Bảy phẩy Ba   |             |
| 62 | 1812719073 | Lê Thị Diệu Hiền        | N18DLK3 | 8               | 7                        | 7  |  |  | 7.0                              | 7.4 | 7.3           | Bảy phẩy Ba   |             |
| 63 | 1813719090 | Đoàn Văn Hoàng          | N18DLK3 | 9               | 10                       | 10 |  |  | 10.0                             | 7.1 | 8.2           | Tám phẩy Hai  |             |
| 64 | 1812719111 | Lê Nguyên Trà Khúc      | N18DLK3 | 9               | 8                        | 6  |  |  | 7.0                              | 3.8 | 0.0           | Không         |             |
| 65 | 1812719113 | Trần Thị La             | N18DLK3 | 8               | 7                        | 7  |  |  | 7.0                              | 6.2 | 6.6           | Sáu phẩy Sáu  |             |
| 66 | 1813719131 | Trần Thanh Lợi          | N18DLK3 | 7               | 7                        | 9  |  |  | 8.0                              | 6.2 | 6.8           | Sáu phẩy Tám  |             |
| 67 | 1812719149 | Nguyễn Xuân Phương Ngọc | N18DLK3 | 9               | 8                        | 9  |  |  | 8.5                              | 6.5 | 7.4           | Bảy phẩy Bốn  |             |
| 68 | 1812719166 | Đoàn Trần Ý Nhi         | N18DLK3 | 9               | 10                       | 9  |  |  | 9.5                              | 8.2 | 8.7           | Tám phẩy Bảy  |             |
| 69 | 1812719180 | Nguyễn Thị Mai Phi      | N18DLK3 | 9               | 10                       | 10 |  |  | 10.0                             | 8.9 | 9.2           | Chín phẩy Hai |             |
| 70 | 1813719191 | Nguyễn Chánh Phước      | N18DLK3 | 9               | 7                        | 7  |  |  | 7.0                              | 6.8 | 7.1           | Bảy phẩy Một  |             |
| 71 | 1812719196 | Phan Hồng Phương        | N18DLK3 | 8               | 7                        | 9  |  |  | 8.0                              | 4.4 | 0.0           | Không         |             |
| 72 | 1813719217 | Phạm Ngọc Sơn           | N18DLK3 | 8               | 7                        | 10 |  |  | 8.5                              | 8.2 | 8.3           | Tám phẩy Ba   |             |

| TT  | MÃ SỐ SV   | HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN   | LỚP     | Điểm thành phần |                       |    |  |  | ĐTB kiểm tra định kì | F   | ĐIỂM TỔNG KẾT |               | Ghi chú     |
|-----|------------|-----------------------|---------|-----------------|-----------------------|----|--|--|----------------------|-----|---------------|---------------|-------------|
|     |            |                       |         | A               | Điểm kiểm tra định kỳ |    |  |  |                      |     | SỐ            | CHỮ           |             |
| 73  | 1813719218 | Võ Chí Tâm            | N18DLK3 | 8               | 7                     | 9  |  |  | 8.0                  | 6.4 | 7.0           | Bảy           |             |
| 74  | 1813719229 | Ngô Trương Duy Thành  | N18DLK3 | 9               | 7                     | 7  |  |  | 7.0                  | 6.8 | 7.1           | Bảy phẩy Một  |             |
| 75  | 1812719232 | Lê Huỳnh Hiếu Thảo    | N18DLK3 | 10              | 10                    | 10 |  |  | 10.0                 | 9.4 | 9.6           | Chín phẩy Sáu |             |
| 76  | 1812719230 | Phạm Phương Thảo      | N18DLK3 | 9               | 7                     | 10 |  |  | 8.5                  | 8.4 | 8.5           | Tám phẩy Năm  |             |
| 77  | 1812719252 | Võ Thị Ánh Thủy       | N18DLK3 | 8               | 7                     | 5  |  |  | 6.0                  | 4.7 | 0.0           | Không         |             |
| 78  | 1813719266 | Mai Đình Toàn         | N18DLK3 | 9               | 7                     | 8  |  |  | 7.5                  | 8.1 | 8.0           | Tám           |             |
| 79  | 1812719275 | Phạm Thị Trâm         | N18DLK3 | 8               | 10                    | 7  |  |  | 8.5                  | 4.6 | 0.0           | Không         |             |
| 80  | 1812719273 | Nguyễn Thị Bích Trâm  | N18DLK3 | 10              | 10                    | 10 |  |  | 10.0                 | 7.8 | 8.7           | Tám phẩy Bảy  |             |
| 81  | 1813719289 | Đỗ Thanh Tú           | N18DLK3 | 2               | 0                     | 0  |  |  | 0.0                  | CT  | 0.0           | Không         | Cấm thi,    |
| 82  | 1813719295 | Trần Mai Phước Tùng   | N18DLK3 | 7               | 7                     | 5  |  |  | 6.0                  | 6.5 | 6.4           | Sáu phẩy Bốn  |             |
| 83  | 1813719307 | Huỳnh Văn Vĩ          | N18DLK3 | 7               | 5                     | 5  |  |  | 5.0                  | 6.8 | 6.3           | Sáu phẩy Ba   |             |
| 84  | 1812719319 | Phan Thúy Vy          | N18DLK3 | 10              | 10                    | 10 |  |  | 10.0                 | 8.0 | 8.8           | Tám phẩy Tám  |             |
| 85  | 1812719324 | Nguyễn Thị Kim Yến    | N18DLK3 | 9               | 10                    | 10 |  |  | 10.0                 | 7.6 | 8.5           | Tám phẩy Năm  |             |
| 86  | 1812719008 | Nguyễn Thị Tú Anh     | N18DLK4 | 8               | 7                     | 8  |  |  | 7.5                  | 6.6 | 7.0           | Bảy           |             |
| 87  | 1812719013 | Nguyễn Thị Ngọc Ánh   | N18DLK4 | 9               | 9                     | 10 |  |  | 9.5                  | 8.6 | 8.9           | Tám phẩy Chín |             |
| 88  | 1812719032 | Nguyễn Thị Hoàng Dung | N18DLK4 | 9               | 10                    | 9  |  |  | 9.5                  | 9.2 | 9.3           | Chín phẩy Ba  |             |
| 89  | 1812719071 | Bùi Thị Hiền          | N18DLK4 | 10              | 9                     | 9  |  |  | 9.0                  | 8.8 | 9.0           | Chín          |             |
| 90  | 1813719082 | Nguyễn Trọng Hiếu     | N18DLK4 | 9               | 6                     | 8  |  |  | 7.0                  | 6.5 | 6.9           | Sáu phẩy Chín |             |
| 91  | 1812719084 | Đào Thị Kim Hoa       | N18DLK4 | 8               | 6                     | 9  |  |  | 7.5                  | V   | 0.0           | Không         |             |
| 92  | 1813719095 | Nguyễn Xuân Huy       | N18DLK4 | 0               | 0                     | 0  |  |  | 0.0                  | CT  | 0.0           | Không         | Cấm thi,    |
| 93  | 1813719106 | Đặng Vũ Anh Khoa      | N18DLK4 | 10              | 10                    | 9  |  |  | 9.5                  | 9.0 | 9.3           | Chín phẩy Ba  |             |
| 94  | 1813719112 | Đào Ngọc Khuê         | N18DLK4 | 10              | 8                     | 9  |  |  | 8.5                  | 6.7 | 7.6           | Bảy phẩy Sáu  |             |
| 95  | 1812719114 | Lưu Mỹ Lai            | N18DLK4 | 8               | 6                     | 8  |  |  | 7.0                  | 6.7 | 6.9           | Sáu phẩy Chín |             |
| 96  | 1812719118 | Nguyễn Thị Ái Lâm     | N18DLK4 | 3               | 5                     | 0  |  |  | 2.5                  | CT  | 0.0           | Không         | Cấm thi, HP |
| 97  | 1812719122 | Nguyễn Phạm Hoài Linh | N18DLK4 | 9               | 6                     | 8  |  |  | 7.0                  | 6.8 | 7.1           | Bảy phẩy Một  |             |
| 98  | 1812719121 | Huỳnh Thị Mỹ Linh     | N18DLK4 | 7               | 5                     | 9  |  |  | 7.0                  | 6.5 | 6.7           | Sáu phẩy Bảy  |             |
| 99  | 1812719126 | Phan Bạch Hồng Loan   | N18DLK4 | 8               | 6                     | 8  |  |  | 7.0                  | 5.8 | 6.4           | Sáu phẩy Bốn  |             |
| 100 | 1813719136 | Tôn Thất Mãi          | N18DLK4 | 0               | 0                     | 0  |  |  | 0.0                  | CT  | 0.0           | Không         | Cấm thi, HP |
| 101 | 1812719146 | Nguyễn Thị Thúy Nga   | N18DLK4 | 9               | 8                     | 8  |  |  | 8.0                  | 7.3 | 7.7           | Bảy phẩy Bảy  |             |
| 102 | 1812719151 | Nguyễn Thị Tố Nguyên  | N18DLK4 | 10              | 10                    | 10 |  |  | 10.0                 | 8.8 | 9.3           | Chín phẩy Ba  |             |
| 103 | 1812719157 | Lê Võ Mỹ Thanh Nhân   | N18DLK4 | 9               | 8                     | 8  |  |  | 8.0                  | 7.4 | 7.7           | Bảy phẩy Bảy  |             |
| 104 | 1813719159 | Trương Thành Nhân     | N18DLK4 | 9               | 10                    | 9  |  |  | 9.5                  | 7.9 | 8.5           | Tám phẩy Năm  |             |
| 105 | 1813719158 | Nguyễn Trọng Nhân     | N18DLK4 | 7               | 6                     | 8  |  |  | 7.0                  | 5.6 | 6.2           | Sáu phẩy Hai  |             |
| 106 | 1812719170 | Trần Phương Quỳnh Nhi | N18DLK4 | 9               | 8                     | 9  |  |  | 8.5                  | 7.0 | 7.7           | Bảy phẩy Bảy  |             |
| 107 | 1812719169 | Trương Thị Thúy Nhi   | N18DLK4 | 9               | 10                    | 10 |  |  | 10.0                 | 7.9 | 8.6           | Tám phẩy Sáu  |             |
| 108 | 1813719179 | Trịnh Thành Phát      | N18DLK4 | 0               | 0                     | 0  |  |  | 0.0                  | CT  | 0.0           | Không         | Cấm thi, HP |
| 109 | 1813719181 | Hà Ngọc Huy Phong     | N18DLK4 | 8               | 8                     | 8  |  |  | 8.0                  | 8.0 | 8.0           | Tám           |             |

| TT  | MÃ SỐ SV   | HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN    | LỚP     | Điểm thành phần |                          |    |  |  | ĐTB<br>kiểm<br>tra<br>định<br>kì | F   | ĐIỂM TỔNG KẾT |               | Ghi chú |
|-----|------------|------------------------|---------|-----------------|--------------------------|----|--|--|----------------------------------|-----|---------------|---------------|---------|
|     |            |                        |         | A               | Điểm kiểm tra<br>định kỳ |    |  |  |                                  |     | SỐ            | CHỮ           |         |
| 110 | 1812719183 | Nguyễn Ngọc Nguyên Phú | N18DLK4 | 9               | 10                       | 8  |  |  | 9.0                              | 8.1 | 8.5           | Tám phẩy Năm  |         |
| 111 | 1812719198 | Huỳnh Thị Bích Phương  | N18DLK4 | 8               | 8                        | 8  |  |  | 8.0                              | 7.3 | 7.6           | Bảy phẩy Sáu  |         |
| 112 | 1812719199 | Trương Thị Ngọc Phượng | N18DLK4 | 10              | 10                       | 10 |  |  | 10.0                             | 8.4 | 9.0           | Chín          |         |
| 113 | 1812719203 | Nguyễn Thị Thu Quý     | N18DLK4 | 9               | 7                        | 8  |  |  | 7.5                              | 7.6 | 7.7           | Bảy phẩy Bảy  |         |
| 114 | 1812719209 | Phạm Đoàn Khánh Quỳnh  | N18DLK4 | 8               | 6                        | 9  |  |  | 7.5                              | 7.3 | 7.4           | Bảy phẩy Bốn  |         |
| 115 | 1812719233 | Trần Dương Việt Thảo   | N18DLK4 | 10              | 9                        | 10 |  |  | 9.5                              | 8.3 | 8.8           | Tám phẩy Tám  |         |
| 116 | 1813719243 | Nguyễn Ngọc Thông      | N18DLK4 | 9               | 9                        | 8  |  |  | 8.5                              | 7.2 | 7.8           | Bảy phẩy Tám  |         |
| 117 | 1813719293 | Phan Sỹ Tùng           | N18DLK4 | 8               | 7                        | 8  |  |  | 7.5                              | 7.1 | 7.3           | Bảy phẩy Ba   |         |
| 118 | 1813719313 | Dương Lê Tuấn Vũ       | N18DLK4 | 8               | 6                        | 8  |  |  | 7.0                              | 7.5 | 7.4           | Bảy phẩy Bốn  |         |
| 119 | 1813719003 | Lê Thành An            | N18DLK5 | 8               | 10                       | 7  |  |  | 8.5                              | 6.5 | 7.3           | Bảy phẩy Ba   |         |
| 120 | 1813719001 | Bùi Quý An             | N18DLK5 | 9               | 10                       | 7  |  |  | 8.5                              | 5.2 | 6.6           | Sáu phẩy Sáu  |         |
| 121 | 1812719006 | Ngô Thị Quỳnh Anh      | N18DLK5 | 10              | 10                       | 8  |  |  | 9.0                              | 9.2 | 9.2           | Chín phẩy Hai |         |
| 122 | 1813719011 | Đào Duy Anh            | N18DLK5 | 9               | 9                        | 7  |  |  | 8.0                              | 4.4 | 0.0           | Không         |         |
| 123 | 1813719021 | Nguyễn Hữu Châu        | N18DLK5 | 9               | 9                        | 7  |  |  | 8.0                              | 7.9 | 8.0           | Tám           |         |
| 124 | 1812719023 | Võ Quế Chi             | N18DLK5 | 8               | 5                        | 7  |  |  | 6.0                              | 6.7 | 6.6           | Sáu phẩy Sáu  |         |
| 125 | 1813719025 | Lê Văn Chiến           | N18DLK5 | 8               | 9                        | 7  |  |  | 8.0                              | 7.1 | 7.5           | Bảy phẩy Năm  |         |
| 126 | 1812719215 | H' Hiệp Niê H' Sah     | N18DLK5 | 10              | 9                        | 10 |  |  | 9.5                              | 8.0 | 8.7           | Tám phẩy Bảy  |         |
| 127 | 1812719063 | Huỳnh Thị Kim Hà       | N18DLK5 | 8               | 10                       | 10 |  |  | 10.0                             | V   | 0.0           | Không         |         |
| 128 | 1813719075 | Trương Thanh Hiền      | N18DLK5 | 8               | 7                        | 7  |  |  | 7.0                              | 7.1 | 7.2           | Bảy phẩy Hai  |         |
| 129 | 1813719626 | Nguyễn Đình Hiệp       | N18DLK5 | 8               | 7                        | 7  |  |  | 7.0                              | 7.2 | 7.2           | Bảy phẩy Hai  |         |
| 130 | 1813719078 | Trương Hoàng Hiếu      | N18DLK5 | 8               | 6                        | 7  |  |  | 6.5                              | 7.6 | 7.3           | Bảy phẩy Ba   |         |
| 131 | 1813719089 | Trần Thiên Hoàng       | N18DLK5 | 8               | 7                        | 7  |  |  | 7.0                              | 6.0 | 6.5           | Sáu phẩy Năm  |         |
| 132 | 1813719091 | Võ Quang Hoàng         | N18DLK5 | 10              | 9                        | 7  |  |  | 8.0                              | 4.7 | 0.0           | Không         |         |
| 133 | 1813719094 | Phạm Thế Hùng          | N18DLK5 | 10              | 9                        | 9  |  |  | 9.0                              | 6.2 | 7.4           | Bảy phẩy Bốn  |         |
| 134 | 1813719097 | Phạm Lê Duy Hưng       | N18DLK5 | 8               | 7                        | 7  |  |  | 7.0                              | 5.7 | 6.3           | Sáu phẩy Ba   |         |
| 135 | 1812719117 | Nguyễn Thị Lan         | N18DLK5 | 10              | 10                       | 10 |  |  | 10.0                             | 8.3 | 9.0           | Chín          |         |
| 136 | 1813719128 | Nguyễn Hoàng Long      | N18DLK5 | 9               | 7                        | 7  |  |  | 7.0                              | 6.0 | 6.6           | Sáu phẩy Sáu  |         |
| 137 | 1813719153 | Vũ Hoàng Nguyên        | N18DLK5 | 8               | 5                        | 5  |  |  | 5.0                              | 7.7 | 6.9           | Sáu phẩy Chín |         |
| 138 | 1812719156 | Hoàng Thị Nguyệt       | N18DLK5 | 10              | 10                       | 10 |  |  | 10.0                             | 8.1 | 8.9           | Tám phẩy Chín |         |
| 139 | 1813719175 | Đỗ Văn Nhựt            | N18DLK5 | 9               | 5                        | 9  |  |  | 7.0                              | 7.3 | 7.4           | Bảy phẩy Bốn  |         |
| 140 | 1813719189 | Trần Phi Phụng         | N18DLK5 | 8               | 7                        | 7  |  |  | 7.0                              | 7.4 | 7.3           | Bảy phẩy Ba   |         |
| 141 | 1812719213 | Nguyễn Thị Như Quỳnh   | N18DLK5 | 9               | 10                       | 8  |  |  | 9.0                              | 9.0 | 9.0           | Chín          |         |
| 142 | 1812719244 | Đỗ Nguyễn Hoài Thu     | N18DLK5 | 9               | 9                        | 8  |  |  | 8.5                              | 7.5 | 8.0           | Tám           |         |
| 143 | 1812719255 | Nguyễn Thị Thu Thủy    | N18DLK5 | 9               | 10                       | 10 |  |  | 10.0                             | 9.0 | 9.3           | Chín phẩy Ba  |         |
| 144 | 1813719264 | Nguyễn Thành Tín       | N18DLK5 | 8               | 8                        | 7  |  |  | 7.5                              | 8.1 | 7.9           | Bảy phẩy Chín |         |
| 145 | 1813119457 | Nguyễn Văn Tịnh        | N18DLK5 | 9               | 8                        | 7  |  |  | 7.5                              | 7.2 | 7.5           | Bảy phẩy Năm  |         |
| 146 | 1813719278 | Huỳnh Ngọc Trí         | N18DLK5 | 8               | 9                        | 10 |  |  | 9.5                              | 7.2 | 8.0           | Tám           |         |

| TT  | MÃ SỐ SV   | HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN    | LỚP     | Điểm thành phần |                          |    |  |  | ĐTB<br>kiểm<br>tra<br>định<br>kì | F   | ĐIỂM TỔNG KẾT |               | Ghi chú     |
|-----|------------|------------------------|---------|-----------------|--------------------------|----|--|--|----------------------------------|-----|---------------|---------------|-------------|
|     |            |                        |         | A               | Điểm kiểm tra<br>định kỳ |    |  |  |                                  |     | SỐ            | CHỮ           |             |
| 147 | 1813719280 | Lý Thế Triều           | N18DLK5 | 10              | 9                        | 10 |  |  | 9.5                              | 5.5 | 7.2           | Bảy phẩy Hai  |             |
| 148 | 1812719282 | Huỳnh Thị Ánh Trinh    | N18DLK5 | 10              | 10                       | 9  |  |  | 9.5                              | 8.6 | 9.0           | Chín          |             |
| 149 | 1813719285 | Tạ Thanh Trung         | N18DLK5 | 10              | 7                        | 7  |  |  | 7.0                              | 6.0 | 6.7           | Sáu phẩy Bảy  |             |
| 150 | 1813719286 | Nguyễn Thành Trung     | N18DLK5 | 8               | 5                        | 8  |  |  | 6.5                              | 8.6 | 7.9           | Bảy phẩy Chín |             |
| 151 | 1813719290 | Nguyễn Ngọc Tú         | N18DLK5 | 8               | 8                        | 7  |  |  | 7.5                              | 6.5 | 7.0           | Bảy           |             |
| 152 | 1813719292 | Phan Thành Tuấn        | N18DLK5 | 8               | 7                        | 7  |  |  | 7.0                              | 8.1 | 7.8           | Bảy phẩy Tám  |             |
| 153 | 1812719296 | Phạm Thị Thanh Tuyền   | N18DLK5 | 10              | 9                        | 10 |  |  | 9.5                              | 8.8 | 9.1           | Chín phẩy Một |             |
| 154 | 1813719310 | Nguyễn Hữu Vinh        | N18DLK5 | 10              | 9                        | 8  |  |  | 8.5                              | 7.2 | 7.9           | Bảy phẩy Chín |             |
| 155 | 1812719321 | Trần Thị Hiền Vy       | N18DLK5 | 9               | 9                        | 10 |  |  | 9.5                              | 5.8 | 7.2           | Bảy phẩy Hai  |             |
| 156 | 1813719010 | Nguyễn Đức Anh         | N18DLK6 | 7               | 5                        | 7  |  |  | 6.0                              | V   | 0.0           | Không         |             |
| 157 | 1813719004 | Lê Đức Anh             | N18DLK6 | 9               | 5                        | 7  |  |  | 6.0                              | 6.2 | 6.4           | Sáu phẩy Bốn  |             |
| 158 | 1813719022 | Nguyễn Nhật Long Châu  | N18DLK6 | 8               | 10                       | 8  |  |  | 9.0                              | 5.5 | 6.8           | Sáu phẩy Tám  |             |
| 159 | 1812719026 | Lê Thị Kim Chung       | N18DLK6 | 8               | 9                        | 8  |  |  | 8.5                              | 8.4 | 8.4           | Tám phẩy Bốn  |             |
| 160 | 1812719048 | Trần Đặng Minh Đài     | N18DLK6 | 8               | 8                        | 7  |  |  | 7.5                              | 6.7 | 7.1           | Bảy phẩy Một  |             |
| 161 | 1813719052 | Trần Văn Định          | N18DLK6 | 9               | 6                        | 7  |  |  | 6.5                              | 4.4 | 0.0           | Không         |             |
| 162 | 1812719054 | Nguyễn Thị Thu Đông    | N18DLK6 | 8               | 9                        | 7  |  |  | 8.0                              | 7.9 | 7.9           | Bảy phẩy Chín |             |
| 163 | 1813719058 | Trần Hoàng Trung Đức   | N18DLK6 | 9               | 5                        | 7  |  |  | 6.0                              | 6.7 | 6.7           | Sáu phẩy Bảy  |             |
| 164 | 1813719037 | Thái Tú Dũng           | N18DLK6 | 8               | 7                        | 7  |  |  | 7.0                              | 7.7 | 7.5           | Bảy phẩy Năm  |             |
| 165 | 1812719055 | Nguyễn Ngọc Đúng       | N18DLK6 | 8               | 7                        | 7  |  |  | 7.0                              | V   | 0.0           | Không         |             |
| 166 | 1813719038 | Nguyễn Ngọc Duy        | N18DLK6 | 0               | 0                        | 0  |  |  | 0.0                              | CT  | 0.0           | Không         | Cấm thi, HP |
| 167 | 1813719041 | Nguyễn Tấn Duy         | N18DLK6 | 9               | 5                        | 7  |  |  | 6.0                              | V   | 0.0           | Không         |             |
| 168 | 1813719042 | Nguyễn Khánh Duy       | N18DLK6 | 9               | 8                        | 7  |  |  | 7.5                              | 7.8 | 7.8           | Bảy phẩy Tám  |             |
| 169 | 1812719064 | Lê Thị Ngọc Hà         | N18DLK6 | 10              | 9                        | 10 |  |  | 9.5                              | 6.0 | 7.5           | Bảy phẩy Năm  |             |
| 170 | 1813719066 | Hồ Việt Hà             | N18DLK6 | 9               | 5                        | 7  |  |  | 6.0                              | 4.5 | 0.0           | Không         |             |
| 171 | 1812719069 | Tôn Nữ Thị Hằng        | N18DLK6 | 9               | 10                       | 9  |  |  | 9.5                              | 7.9 | 8.5           | Tám phẩy Năm  |             |
| 172 | 1812719068 | Nguyễn Hồng Hạnh       | N18DLK6 | 10              | 6                        | 8  |  |  | 7.0                              | 8.0 | 7.9           | Bảy phẩy Chín |             |
| 173 | 1813719072 | Nguyễn Viết Duy Hiền   | N18DLK6 | 8               | 10                       | 7  |  |  | 8.5                              | 4.8 | 0.0           | Không         |             |
| 174 | 1813719077 | Trần Minh Hiên         | N18DLK6 | 2               | 0                        | 0  |  |  | 0.0                              | CT  | 0.0           | Không         | Cấm thi,    |
| 175 | 1812719085 | Lê Hoàng Hoa           | N18DLK6 | 8               | 5                        | 8  |  |  | 6.5                              | 8.0 | 7.6           | Bảy phẩy Sáu  |             |
| 176 | 1812719101 | Lê Thị Thu Hương       | N18DLK6 | 9               | 7                        | 8  |  |  | 7.5                              | 7.8 | 7.8           | Bảy phẩy Tám  |             |
| 177 | 1813719109 | Trần Đăng Khoa         | N18DLK6 | 9               | 8                        | 8  |  |  | 8.0                              | 4.4 | 0.0           | Không         |             |
| 178 | 1812719133 | Dương Trương Thị Luyến | N18DLK6 | 8               | 8                        | 7  |  |  | 7.5                              | 7.2 | 7.4           | Bảy phẩy Bốn  |             |
| 179 | 1812719144 | Nguyễn Hoàng Ni Na     | N18DLK6 | 10              | 9                        | 9  |  |  | 9.0                              | 7.0 | 7.9           | Bảy phẩy Chín |             |
| 180 | 1812719147 | Đoàn Thị Khánh Nga     | N18DLK6 | 10              | 8                        | 9  |  |  | 8.5                              | 7.8 | 8.2           | Tám phẩy Hai  |             |
| 181 | 1812719627 | Mai Tùng Nghĩa         | N18DLK6 | 8               | 5                        | 7  |  |  | 6.0                              | 6.9 | 6.7           | Sáu phẩy Bảy  |             |
| 182 | 1812719162 | Đặng Thị Hồng Nhật     | N18DLK6 | 10              | 7                        | 7  |  |  | 7.0                              | 6.7 | 7.1           | Bảy phẩy Một  |             |
| 183 | 1812719165 | Phan Thị Uyên Nhi      | N18DLK6 | 9               | 7                        | 7  |  |  | 7.0                              | 5.7 | 6.4           | Sáu phẩy Bốn  |             |

| TT  | MÃ SỐ SV   | HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN |       | LỚP     | Điểm thành phần |                          |   |  |  | ĐTB<br>kiểm<br>tra<br>định<br>kì | F   | ĐIỂM TỔNG KẾT |               | Ghi chú     |
|-----|------------|---------------------|-------|---------|-----------------|--------------------------|---|--|--|----------------------------------|-----|---------------|---------------|-------------|
|     |            |                     |       |         | A               | Điểm kiểm tra<br>định kỳ |   |  |  |                                  |     | SỐ            | CHỮ           |             |
| 184 | 1812719173 | Huỳnh Thị Quỳnh     | Như   | N18DLK6 | 2               | 0                        | 0 |  |  | 0.0                              | CT  | 0.0           | Không         | Cấm thi,    |
| 185 | 1812719176 | Nguyễn Thị          | Nữ    | N18DLK6 | 9               | 7                        | 8 |  |  | 7.5                              | 5.7 | 6.6           | Sáu phẩy Sáu  |             |
| 186 | 1813719187 | Nguyễn Thành        | Phúc  | N18DLK6 | 7               | 8                        | 7 |  |  | 7.5                              | 4.2 | 0.0           | Không         |             |
| 187 | 1812719193 | Võ Thị              | Phước | N18DLK6 | 7               | 5                        | 5 |  |  | 5.0                              | 4.2 | 0.0           | Không         |             |
| 188 | 1813719207 | Nguyễn Kim Trúc     | Quyền | N18DLK6 | 3               | 0                        | 0 |  |  | 0.0                              | CT  | 0.0           | Không         | Cấm thi,    |
| 189 | 1812719212 | Mai Trần Xuân       | Quỳnh | N18DLK6 | 7               | 9                        | 8 |  |  | 8.5                              | 5.1 | 6.3           | Sáu phẩy Ba   |             |
| 190 | 1813719223 | Nguyễn Tấn          | Tâm   | N18DLK6 | 0               | 0                        | 0 |  |  | 0.0                              | CT  | 0.0           | Không         | Cấm thi, HP |
| 191 | 1812719220 | Phan Nguyễn Thành   | Tâm   | N18DLK6 | 10              | 9                        | 9 |  |  | 9.0                              | 5.8 | 7.2           | Bảy phẩy Hai  |             |
| 192 | 1813719221 | Tô Văn Hoài         | Tâm   | N18DLK6 | 9               | 8                        | 7 |  |  | 7.5                              | 7.9 | 7.9           | Bảy phẩy Chín |             |
| 193 | 1812719235 | Nguyễn Thị Gia      | Thảo  | N18DLK6 | 10              | 9                        | 9 |  |  | 9.0                              | 8.4 | 8.7           | Tám phẩy Bảy  |             |
| 194 | 1813719238 | Ngô Minh            | Thiện | N18DLK6 | 0               | 0                        | 0 |  |  | 0.0                              | CT  | 0.0           | Không         | Cấm thi,    |
| 195 | 1813719240 | Nguyễn Văn          | Thịnh | N18DLK6 | 9               | 9                        | 9 |  |  | 9.0                              | 8.0 | 8.4           | Tám phẩy Bốn  |             |
| 196 | 1812719270 | Phan Nguyễn Thùy    | Trâm  | N18DLK6 | 0               | 0                        | 0 |  |  | 0.0                              | CT  | 0.0           | Không         | Cấm thi,    |
| 197 | 1812719276 | Lê Thị              | Trâm  | N18DLK6 | 9               | 5                        | 7 |  |  | 6.0                              | 6.3 | 6.5           | Sáu phẩy Năm  |             |
| 198 | 1813719279 | Nguyễn Duy          | Trí   | N18DLK6 | 9               | 7                        | 5 |  |  | 6.0                              | 6.7 | 6.7           | Sáu phẩy Bảy  |             |
| 199 | 1813719281 | Nguyễn Công         | Triệu | N18DLK6 | 9               | 8                        | 8 |  |  | 8.0                              | 6.2 | 7.0           | Bảy           |             |
| 200 | 1812719300 | Trần Hồ Phương      | Uyên  | N18DLK6 | 9               | 7                        | 8 |  |  | 7.5                              | 7.0 | 7.4           | Bảy phẩy Bốn  |             |
| 201 | 1812719305 | Nguyễn Thị Hoàng    | Vân   | N18DLK6 | 10              | 8                        | 9 |  |  | 8.5                              | 8.1 | 8.4           | Tám phẩy Bốn  |             |
| 202 | 1813719301 | Trần Khánh          | Văn   | N18DLK6 | 9               | 7                        | 7 |  |  | 7.0                              | 6.0 | 6.6           | Sáu phẩy Sáu  |             |
| 203 | 1812719304 | Nguyễn Thị          | Vân   | N18DLK6 | 9               | 8                        | 8 |  |  | 8.0                              | 6.9 | 7.4           | Bảy phẩy Bốn  |             |
| 204 | 1813719317 | Nguyễn Minh         | Vương | N18DLK6 | 8               | 7                        | 8 |  |  | 7.5                              | 5.5 | 6.4           | Sáu phẩy Bốn  |             |
| 205 | 1813719322 | Nguyễn Phú          | Vỹ    | N18DLK6 | 9               | 7                        | 8 |  |  | 7.5                              | 7.9 | 7.9           | Bảy phẩy Chín |             |
|     |            |                     |       |         |                 |                          |   |  |  |                                  |     |               |               |             |

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

| STT         | NỘI DUNG THỐNG KÊ | SL  | TỶ LỆ | GHI CHÚ |
|-------------|-------------------|-----|-------|---------|
| 1           | Số sinh viên đạt  | 155 | 76%   |         |
| 2           | Số sinh viên nợ   | 50  | 24%   |         |
| TỔNG CỘNG : |                   | 205 | 100%  |         |

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA

(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 01 năm 2015  
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

Nguyễn Thị Kim Phượng

Dương Mai Bảo Liên

ThS. Nguyễn Ân